

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2021

Về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thư** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 407/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 517/TB-TA ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hà Thị T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Kiệt 183 hẻm 45 số nhà 06 T2, tổ 20, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm T1**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Kiệt 183 hẻm 45 số nhà 06 T2, tổ 20, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Vắng mặt tại phiên tòa thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Hà Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm T1 xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2008 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2008), hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường cãi vã, ông T1 thường xuyên say xỉn về nhà đánh đập tôi, ông T1 không có trách nhiệm với vợ con.

Năm 2019 tôi đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông T1 (Thông báo về việc thụ lý vụ án số 423/2019/TBTLVA ngày 04/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu) nhưng sau khi tôi được Tòa án hòa giải nên tôi đã rút đơn khởi kiện (Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu). Từ khi tôi rút đơn ly hôn lần đó đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được mà cứ kéo dài gây lo sợ và bất an cho tôi vì ông T1 vũ phu, đánh đập tôi. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Tôi và ông Phạm T1 có 03 con chung: Phạm Hà Thanh T3 - sinh ngày 25/9/2008, Phạm Văn T5 - sinh ngày 23/3/2012 và Phạm Văn T4 - sinh ngày 30/3/2015.

Tại đơn khởi kiện tôi có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Hà Thanh T3 - sinh ngày 25/9/2008 và Phạm Văn T4 - sinh ngày 30/3/2015 đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu ông Phạm T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Văn T5 - sinh ngày 23/3/2012 đến khi đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tuy nhiên vào ngày 25/02/2021 tôi có bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong bản tự khai này với nội dung nếu ly hôn thì tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tôi và ông Phạm T1 có tài sản chung nhưng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có, không ai nợ chung vợ chồng tôi.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm T1 chỉ 01 lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải ngày 19/01/2021 và trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Hà Thị T xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2008 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T đánh bài. Nay bà T xin ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Tôi và Bà Hà Thị T có 03 con chung: Phạm Hà Thanh T3 - sinh ngày 25/9/2008, Phạm Văn T5 - sinh ngày 23/3/2012 và Phạm Văn T4 - sinh ngày 30/3/2015.

Do tôi không đồng ý ly hôn nên cả hai vợ chồng cùng nuôi cả 03 con, chứ không đặt trường hợp giả sử ly hôn thì nguyện vọng của tôi về việc nuôi các con ra sao như Tòa hỏi.

- Về tài sản chung: Tôi và bà Hà Thị T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ chung ai và cũng không có ai nợ chung hai vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con giữa nguyên đơn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị T và ông Phạm T1 đăng ký kết hôn ngày 03/6/2008 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 03/6/2008), hôn nhân tự nguyện. Qua xác minh thể hiện trong quá trình chung sống, bà Hà Thị T và ông Phạm T1 thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Phạm T1 thường xuyên say xỉn và đánh bà T. Đối với việc ông T1 cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bà T đánh bài nhưng ông T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh và qua xác minh thì bà T không bài bạc, số đề hay các tệ nạn xã hội khác. Mâu thuẫn của vợ chồng bà T, ông T1 cũng đã được bà T khởi kiện ly hôn vào năm 2019 nhưng đã rút đơn (Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu). Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hà Thị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà T được ly hôn ông T1.

- Về con chung: Bà Hà Thị T xác nhận bà và ông Phạm T1 có 03 con chung: Phạm Hà Thanh T3 - sinh ngày 25/9/2008, Phạm Văn T5 - sinh ngày 23/3/2012 và Phạm Văn T4 - sinh ngày 30/3/2015.

Tại đơn khởi kiện bà Hà Thị T có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Hà Thanh T3 - sinh ngày 25/9/2008 và Phạm Văn T4 - sinh ngày 30/3/2015 đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu ông Phạm T1 trực tiếp nuôi dưỡng

con chung Phạm Văn T5 - sinh ngày 23/3/2012 đến khi đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tuy nhiên vào ngày 25/02/2021 bà T có bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong bản tự khai này với nội dung nếu ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác minh thể hiện cả bà T và ông T1 đều có việc làm nhưng bà T có nhiều thời gian giành cho việc chăm sóc con hơn. Tại phiên tòa, ông Phạm T1 không có mặt để trình bày nguyện vọng của mình về việc nuôi con chung, cũng như không chứng minh được điều kiện nuôi con. Trong 03 con chung của bà T và ông T1 thì có 02 con chung đã trên 07 tuổi là cháu Phạm Hà Thanh T3 và Phạm Văn T5. Tại Bản khai ngày 25/02/2021 tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, cháu Phạm Hà Thanh T3 có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu Phạm Văn T5 có nguyện vọng ở với mẹ hoặc ở với ba đều được.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T về việc nuôi con chung, giao 03 con chung: Phạm Hà Thanh T3 - sinh ngày 25/9/2008, Phạm Văn T5 - sinh ngày 23/3/2012 và Phạm Văn T4 - sinh ngày 30/3/2015 cho bà Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có cơ sở, phù hợp với Điều 71 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Phạm T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Hà Thị T không yêu cầu. Trong trường hợp bà Hà Thị T và ông Phạm T1 có tranh chấp và khởi kiện về việc thay đổi người nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung (tại thời điểm cháu Phạm Hà Thanh T3, Phạm Văn T5 và Phạm Văn T4 chưa đủ 18 tuổi), sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Theo bà Hà Thị T khai thì bà và ông Phạm T1 có tài sản chung nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn theo ông Phạm T1 khai thì ông và bà Hà Thị T không có tài sản chung. Do bà Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và ông Phạm T1 khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp và khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Bà Hà Thị T và ông Phạm T1 xác nhận không có nợ chung, không ai nợ chung bà Hà Thị T và ông Phạm T1 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

[3.1] Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Hà Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hà Thị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004735 ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Hà Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: - Các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” của bà Hà Thị T đối với ông Phạm T1.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hà Thị T được ly hôn ông Phạm T1.

2. Về quan hệ con chung:

Giao 03 con chung của bà Hà Thị T và ông Phạm T1 là cháu Phạm Hà Thanh T3 - sinh ngày 25/9/2008, Phạm Văn T5 - sinh ngày 23/3/2012 và Phạm Văn T4 - sinh ngày 30/3/2015 cho bà Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Phạm T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung của ông Phạm T1 và bà Hà Thị T.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Do bà Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và ông Phạm T1 khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Hà Thị T xác nhận bà và ông Phạm T1 không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Hà Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hà Thị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004735 ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Hà Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND Q. Liên Chiểu;
 - Chi cục Thi hành án dân sự Q. Liên Chiểu;
 - UBND P. H, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 03/6/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Hương